

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày: 02-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh Sơn

Ông Thạch Đa Ra

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 25 tháng 6 năm 1991, tại tỉnh T. Nơi cư trú: khóm Z, phường X, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; tôn giáo: phật giáo; quốc tịch Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1969 và bà Lâm Thị Q, sinh năm 1970; tiền án: 01 lần. Ngày 25/8/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” đến ngày 02/5/2014 chấp hành xong (đã được xóa án tích); tiền sự: 01 lần. Ngày 25/8/2020 bị Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố T, tỉnh T áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo có nhân thân xấu; (bị cáo bị bắt ngày 18/01/2022); (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Đoàn Chí M, sinh năm 1977 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Đ, xã Hòa T, huyện Châu T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy, nên khoảng 20 giờ ngày 26/11/2021 bị cáo Phạm Văn T liên lạc với thanh niên tên thường gọi C (Không rõ họ tên địa chỉ) hỏi mua 200.000 đồng ma túy sử dụng thì Chuột hện bị cáo đến khu vực đèn đỏ trên đường Hùng Vương thuộc khóm A, phường S, thành phố T, tỉnh T để đưa ma túy. Đến khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày bị cáo một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Dylan 150, biển số 58-S8.5139 đến điểm hẹn. Khi gặp C bị cáo trực tiếp đưa cho C 200.000 đồng, lấy tiền xong C chỉ cho bị cáo biết ma túy C đang để dưới gốc cột điện nơi C đang đứng. Mua được ma túy bị cáo cất giấu bên trong túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe mô tô biển số 58-S8.5139 về nhà của bị cáo ngụ tại khóm A, phường S, thành phố T, tỉnh T sử dụng một phần, phần còn lại bị cáo tiếp tục cất giấu vào trong túi quần, rồi điều khiển xe mô tô biển số 58-S8.5139 đến hẻm số 628, đường Đồng Khởi thuộc khóm Q, phường W, thành phố T, tỉnh T, thì bị lực lượng Công an thành phố T, tỉnh T bắt quả tang thu giữ vật chứng gồm: 01 (một) bịch nylon trong suốt có viền màu cam bên trong có chứa 01 (một) bịch nylon trong suốt có viền màu đỏ, bên trong bịch nylon có chứa chất tinh thể rắn (nghĩ là chất ma túy) được niêm phong trong phong bì ký hiệu PS3, mã số PS3 1902823; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Dylan 150 màu đỏ, số khung: *ZDCKF05A04F074916*, số máy: HI – KF03E *0064575* HIKGG, biển số: 51S8-5139 đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 334690079 tên Phạm Văn Tg, sinh ngày 25/6/1991; nguyên quán: xã M, huyện C, tỉnh T; hộ khẩu thường trú: khóm Z, phường X, thành phố T, tỉnh T; nơi cấp Công an tỉnh T; 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy J7 (2016) màu vàng nhạt, số kiểu máy SM-J710FN, số sê ri: R58H60JMZLW, IMEI (khe 1) 359752070938488, IMEI (khe 2) 359753070938486, kèm theo sim số 0766930004.

Tại Bản kết luận giám định số 19/KLGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là Ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng: 0,1501 gam.

Về vật chứng vụ án: Hiện đang tạm giữ vật chứng nêu trên. Riêng xe mô tô do bị cáo mượn của ông Đoàn Chí M, sinh ngày 20/7/1977, ngụ ấp Đ, xã Hòa T, huyện C, tỉnh T, ông M không biết bị cáo dùng làm phương tiện mua ma túy nên đã trả lại cho chủ sở hữu xong.

Đối với người đàn ông tên C, do không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không làm việc được, khi nào làm việc được nếu có liên quan xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-HS ngày 14/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố Phạm Văn Trường về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm c khoản 1

Điều 249; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Đồng thời xử lý tang vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận:

Vào lúc 20 giờ ngày 26 tháng 11 năm 2021 bị cáo đi đến đường Hùng Vương thuộc khóm A, phường S, thành phố Trà Vinh mua 200.000đ ma túy của một người thanh niên tên C, sau khi mua được ma túy bị cáo đem về nhà sử dụng một nửa, còn lại một nửa bị cáo cất giấu vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô đến hẻm đường Đồng Khởi thuộc khóm Q, phường W, thành phố T thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T bắt quả tang cùng tang vật ma túy có khối lượng 0,1501 gam loại Methamphetamine.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, ma túy là chất gây nghiện rất độc hại, nó không chỉ làm ảnh hưởng đến sức khỏe, khả năng tham gia lao động, học tập, đến sự phát triển bình thường về trí tuệ của người sử dụng, mà nó còn làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác rất nguy hiểm. Bản thân bị cáo đã một lần bị Tòa án xét xử về tội “Cướp tài sản”, sau khi chấp hành xong hình phạt tù ra ngoài xã hội bị cáo không cố gắng lao động mà lao vào con đường hút chích.

Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến an ninh trật tự địa phương mà còn xâm phạm nghiêm trọng đến pháp luật hình sự. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo. Nghĩ nên cần xem xét cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Chí M đã nhận lại 01 xe mô tô nên không có yêu cầu và xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về vật chứng: 01 phong bì màu trắng có dán niêm phong số 19/M ngày 12/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Trà Vinh; 01 giấy chứng minh nhân dân số: 334690079 tên Phạm Văn T, sinh 25/6/1991; tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy J7 màu vàng nhạt, kiểu máy SM-J710FN, số sêri: R58H60JMZLW, IMEI (khe 1) 359752070938488, IMEI (khe 2) 359753070938486, kèm theo sim số 0766930004. Nghĩ nên tịch thu tiêu hủy và trả lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2022.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Chí M không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì màu trắng có dán niêm phong số 19/M ngày 12/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Trà Vinh. Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân số 334690079 tên Phạm Văn T, sinh 25/6/1991; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy J7 (2016) màu vàng nhạt, kiểu máy SM-J710FN, số sê ri: R58H60JMZLW, IMEI (khe 1) 359752070938488, IMEI (khe 2) 35975070938486, kèm theo sim số 0766930004.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Phạm Văn T nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ CA TP.Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Sỹ